

VẤN ĐỀ GIÁO LÍ CỦA PHẬT GIÁO HOÀ HẢO QUA MỘT SỐ TRƯỚC TÁC CỦA ĐỨC GIÁO CHỦ HUỲNH PHÚ SỔ

NGUYỄN PHÚ TÂN^(*)

Ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939), Đức Giáo chủ Phật giáo Hoà Hảo hoá hiện đời cứu độ chúng sinh. Hôm ấy, Đức Giáo chủ trình trọng cáo trình:

Đầu ngưỡng vọng đất trời minh chứng,

Tấm lòng thành quyết dựng Đạo Đời.

Từ ấy, hàng năm, cứ đến ngày trọng đại này, hàng triệu tín đồ trong đạo hân hoan cử hành đại lễ kỉ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo chủ khai đạo Phật giáo Hoà Hảo:

Tháng năm mười tám rõ ràng,

Cùng xóm cuối làng ai cũng cười reo.

Mùng “Xuân Đạo”, tín đồ Phật giáo Hoà Hảo luôn cố gắng thực hành tốt lời truyền thụ của Đức Thầy: *Khuyên răn giữ cho tròn Đạo Đời*.

Cuối thập niên 30 của thế kỉ XX, cũng như các nước thuộc địa khác trên thế giới, nhân dân Việt Nam phải chịu ách đô hộ vô cùng nghiệt ngã của thực dân Pháp. Họ bị chính quyền thuộc địa bóc lột tận xương tuỷ. Kinh tế suy thoái, xã hội phân hoá trầm trọng, kẻ mạnh hiếp người yếu, cường hào ác bá

mặc sức nhũn nhặn dân lành, đạo đức suy đồi, trộm cướp nổi lên khắp nơi. Tình thế đất nước nguy ngập đến mức khó bề cứu vãn.

Ở Nam Bộ, các phong trào kháng chiến chống Pháp do Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Võ Duy Dương, Trần Văn Thành, v.v... đã lắng xuống hoặc tan rã. Thực dân Pháp có đủ điều kiện để tăng cường bóc lột hà khắc. Tuyệt đại bộ phận dân chúng đều cảm phần giặc Pháp. Họ hưởng ứng các phong trào yêu nước, tích cực ủng hộ kháng chiến, nên không thể không hứng chịu sự đàn áp dã man của thực dân Pháp.

Vậy mà, không ít người chỉ vì tiền bạc đã can tâm theo giặc, phản bội Tổ quốc, quay lưng với đồng bào. Đức Giáo chủ Phật giáo Hoà Hảo (tên thật là Huỳnh Phú Sổ, sau được tôn xưng là Đức Huỳnh Giáo chủ) tỏ bày sự thương hại:

Thương ai ham võng ham dù,

Cũng như những kẻ đui mù đi đêm.

Đức Huỳnh Giáo chủ đã cảnh tỉnh những kẻ ham danh vọng, tiền tài:

*. Nhà nghiên cứu, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

*Đừng ham làm chức nức nia,
Ngày sau như khoá không chìa dân ôi.*

Hoặc:

*Ai ai cũng cứ ham tiền,
Ấy là đem sợi xích xiềng trói chân.*

Đức Huỳnh Giáo chủ cũng lên án những kẻ giả nhân, giả nghĩa chốn nha môn:

*Quan trường miệng nói vang rân,
Mà tâm dính chặt hồng trần bụi nhơ.*

Và kêu gọi họ hãy sớm trở về với nhân dân:

*Cả kêu kìa hồi là ai,
Quan trường rồi dứt mặt mày chùi lau.*

Còn kẻ tu hành cũng có không ít người biến chất:

*Trong sáu tỉnh nhiều điều tà mị,
Tu hành mà vị kỉ quá chừng.*

Họ bày đặt ra đủ điều lợi dụng, gây đổ kị, làm suy thoái niềm tin nơi Phật Pháp, bởi vì họ:

*Tu còn ham chạy to đám bự,
Đặng thế gian dưng cúng bạc tiền.
Dối rằng: lo tu bỏ chùa chiền,
Mà làm của xài riêng cho thoả.
Bảo làm sao dân không sa ngã,
Nghe lời dù tông nọ phái kia.
Cả Tăng đồ trong nước chia lìa,
Riêng Pháp bảo, riêng chùa, riêng Phật!
Còn người theo đạo Phật thì:
Bước vào chùa thấy Phật lay dài,
Lui khỏi cửa ra tay cấu xé.*

Cho dù kẻ trí hay người ngu, người có tu hay người không có tu, dưới mắt

Đức Huỳnh Giáo chủ bấy giờ đều là bị kịch xót xa:

*Dân nay như thể không cha,
Chẳng ai dạy dỗ thật là thảm thương.*

Nói chung, nguyện ước của đại đa số đồng bào là mong sao thoát được ách đô hộ tàn ngược của thực dân Pháp, sớm có được cuộc sống mới đàng hoàng hơn.

Về mặt đời, họ ước vọng có một vị “minh quân” đứng ra cứu nguy dân tộc, thoát ách nô lệ ngoại bang. Về mặt đạo, họ cầu mong sự xuất hiện của một Đấng Cứu thế lâm phạm để có chỗ dựa tinh thần hầu vơi đi phần nào sự bơ vơ tủi nhục, tạo cho mình kiếp sống mới ý nghĩa hơn, hạnh phúc hơn.

Lộ trình dạy đạo cứu đời của Đức Giáo chủ được bắt đầu bằng một chuyến thâm nhập thực tế dài ngày. Trước khi chính thức khai đạo, Đức Huỳnh Giáo chủ đã “đi thực tế” ở nhiều nơi để nắm vững “đặc điểm tình hình” về đời sống văn hoá, kinh tế, tín ngưỡng, thói ăn nết ở, thế thái nhân tình,... của từng thành phần trong xã hội:

*Thị thiêng khắp hết gần xa,
Từ đây sắp đến quê nhà Diên đi.*

Đức Huỳnh Giáo chủ đã:

*Đạo lục châu chẳng có nghĩ ngơi,
Mà lễ thứ nào đâu có biết!*

Để dễ dàng thâm nhập thực tế, ở từng nơi, trước từng đối tượng, Đức Huỳnh Giáo chủ đã đóng giả nhiều hạng người để tiếp cận hầu có cơ sở giáo hoá sát hợp, trúng tâm lí người đời.

Sau cuộc “đạo lục châu” này (hiểu là lục tỉnh Nam Bộ), Đức Huỳnh Giáo chủ đã thuật lại tường tận và sinh động trong *Quyển Nhứt: Khuyên người đời tu niệm*. Đọc tác phẩm này, chúng ta không khỏi ngạc nhiên khi được biết Đức Giáo chủ có khả năng biến hoá:

Khi già lúc lại trẻ thơ,

*Giả quê giả dốt khắp trong thị
thiêng.*

Đức Huỳnh Giáo chủ chu du nhiều nơi để cảnh tỉnh người đời khuyến tu, khuyến niệm. Qua lời kể về cuộc lưu dương này, hẳn nhiều người không tin Đức Giáo chủ là bậc có quyền năng thần thông biến hoá, có lúc lại dùng phép thuật đăng vân,... Tin hay không là do sự nhận thức của mỗi người. Điều quan trọng là cần phải hiểu cho “tối” lời *Tự bạch* của Đức Giáo chủ: *Ta phân hồn đạo khắp thế gian*.

Sau khi đã *thị thiêng khắp hết gần xa*, Đức Huỳnh Giáo chủ về lại quê nhà, làng Hoà Hảo, nay là thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, An Giang, trình trọng cáo trình:

Đầu ngưỡng vọng đất trời minh chứng,

Tám lòng thành quyết dựng Đạo Đời.

Để kịp thời cứu vãn phần nào *thảm họa sắp tràn lan* (hiểu là Thế chiến Thứ II và sự nghiệp kháng chiến trường kì của dân tộc sẽ tiếp diễn), Đức Huỳnh Giáo chủ đã truyền đi bức thông điệp nói rõ sứ mạng thiêng liêng của mình như những lời mạc khải để cảnh tỉnh người đời. Đức Huỳnh Giáo chủ cho biết: *Vì lòng từ ái chứa chan, thương bách tính tới hồi tai họa, Chư Phật mới nhũ lòng từ bi cùng các vị Chơn Tiên*

lâm phạm độ thế, trước ra công cứu khổ, sau chỉ rõ cơ huyền, khuyên kẻ thế hướng thiện quay đầu, cải tà quy chánh. Ai liễu đạo nơi quốc độ nào thì trở về quốc độ ấy mà trợ tế nhân dân. Và Đức Huỳnh Giáo chủ là một trong những vị cứu đời ấy, nên ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939), Đức Giáo chủ hoá hiện ra đời cứu độ chúng sanh.

Vì thế, Phật giáo Hoà Hảo còn được gọi là Đạo Lành. Đạo Lành là danh xưng do chính Đức Huỳnh Giáo chủ đặt. “Chính danh” là thế (còn đạo Hoà Hảo hay Phật giáo Hoà Hảo là “tên thường gọi”, nay đã quen dùng), bởi:

Đức Di Đà truyền mở Đạo Lành,

Bởi vì Đức Huỳnh Giáo chủ thương xót chúng sanh.

Ra sắc lệnh bảo Ta truyền dạy.

Từ đó, khắp nơi thiên hạ kéo về xin Đức Huỳnh Giáo chủ trị độ, hoặc tìm hiểu, thử tài để cuối cùng quy y thọ giáo. Nhờ chủ trương đơn giản hoá việc thờ phụng (không thờ tượng cốt mà chỉ thờ bức trần màu dà tượng trưng tinh thần vô vi của Đức Phật) và cách khuyến tu phù hợp với đại chúng nên số tín đồ ngày càng thêm đông, khiến chính quyền thực dân Pháp sinh lo ngại, phải đưa Đức Giáo chủ đến nhiều vùng, nhiều nơi, từ nông thôn đến thành thị, từ đồng bằng đến vùng sâu, vùng xa nhằm ngăn trở sự hành đạo. Nhưng họ không ngờ, đó là một cách giúp Đức Giáo chủ truyền khai mỗi đạo rộng khắp. Cho nên, Đức Giáo chủ không cho đó là trở ngại, trái lại càng tỏ ra hài lòng vì:

Càng đi càng biết nhiều nơi,

Càng đem chơn lí tuyệt vời phổ thông.

Tuy *Tu không tu cũng không mời thỉnh, Mặc tình ai trọng kính hay chê*, nhưng khi đã thấm nhuần *chơn lí tuyệt vời* do Đức Giáo chủ xuất phát, truyền dạy, thập phương bá tính từ hàng nghìn, hàng vạn, rồi hàng triệu người lần lượt quy y, đua nhau làm lành lánh dữ.

Đức Huỳnh Giáo chủ trước tác dưới nhiều dạng, loại. Hiện người trong đạo đã sưu tập được khoảng 200 bài thơ, hơn 20 phẩm văn xuôi và 6 quyển giảng. Đó là các quyển:

Khuyên người đời tu niệm, tức *Quyển Nhất*, viết năm 1939, thể lục bát, dài 912 câu.

Kệ dân của người Khùng, tức *Quyển Nhì*, viết năm 1939, thể thất ngôn trường thiên, dài 480 câu.

Sấm giảng, tức *Quyển Ba*, viết năm 1939, thể lục bát, dài 612 câu.

Giác mê tâm kệ, tức *Quyển Tư*, viết năm 1939, thể thất ngôn trường thiên, dài 846 câu.

Khuyến thiện, tức *Quyển Năm*, viết năm 1942, thể lục bát, đoạn giữa xen thể thất ngôn, dài 756 câu.

Cách tu hiền và sự ăn ở của người bốn đạo, viết năm 1945, văn xuôi.

Nếu đạo Phật chia làm hai hạng: xuất gia và tại gia thì toàn đạo Phật giáo Hoà Hảo đều thuộc hạng tại gia, tức không phải thọ ân đàn na thí chủ. Hạng này không ngồi chờ sự cung cấp bất cứ vật thực nào của bá tính, mà trực tiếp lao động, chí thú làm ăn, nhưng tự cảm thấy có bốn phận phải lo cứu giúp những người khó khăn, bất hạnh.

Để nắm vững và hiểu rõ hơn “tính chất” của người cư sĩ tại gia, Đức Huỳnh Giáo chủ dạy về hạng này:

Gồm tất cả đại chúng, tất cả thiện nam tín nữ chưa đủ những điều kiện xuất gia, vì cảm thấy mình còn nặng nợ với non sông Tổ quốc, với gia đình, với đồng bào xã hội, nên chưa thể làm các nhà sư hay những ni cô đặng. Tuy vậy họ cũng sẵn sàng hoan nghênh ca tụng lí tưởng từ bi bác ái đại đồng của nhà Phật và luật nhân quả do Phật thuyết ra. Thế nên ở tại nhà, họ thờ phượng Đức Phật, phát nguyện quy y, giữ gìn ít điều giới luật, hằng coi kinh sách, sửa tánh, răn lòng, ủng hộ các sư. Như thế họ cũng lần lần lên con đường giải thoát.

Đây là hạng người học Phật tu nhân.

Bàn xét như trên, thấy rằng toàn thể trong đạo chúng ta thuộc hạng tại gia cư sĩ, học Phật tu nhân vậy.

Học Phật là học những gì Phật dạy: *Phật từ thiện cách nào, ta phải từ thiện cách nấy. Phật tu cách nào đắc đạo rồi dạy ta, ta cũng làm theo cách nấy.* Bởi Phật là đấng toàn thiện, toàn mỹ, bác ái vô cùng. Đức Huỳnh Giáo chủ là bậc hơn Tiên, đã tu và đã đắc. Đắc đạo nhưng không chịu thanh thản, nhàn hạ, hưởng quả bồ đề trường thọ, mà vì quá yêu thương chúng sinh, quyết chí truyền khai đạo pháp, độ đời để bá tính vạn dân đều được: *Đồng bay về Cực Lạc một đàn*, tức đều thành Phật.

Về tu nhân, Đức Huỳnh Giáo chủ dạy:

Sanh ra ở đời, con người dù muốn hay dù không, cũng phải chịu dưới sự chi phối của định luật thiên nhiên.

Định luật ấy gồm vào một chữ đạo, đạo của con người kêu bằng “Đạo Nhân”, và nó là một con đường, đi trúng thì sống, bước trật tất chết.

Cốt tủy của nhân đạo là hiếu nghĩa. Con cháu trong nhà phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Con dân của một nước phải có hiếu với tiền nhân, tức các thế hệ có công dựng nước, mở cõi. Người tu Phật phải thực hiện chữ hiếu với Đức Phật và những đệ tử chân chính của Đức Huỳnh Giáo chủ, tức các vị tăng sư, những người có công phổ truyền chân lý cao siêu do Đức Huỳnh Giáo chủ dạy. Hiếu với ai cũng phải biết nghĩa với người ấy. Đã hiếu nghĩa tất nhiên phải trung, dũng. Còn đối với nhân quần xã hội cho dù cùng nòi giống hay khác chủng tộc, chúng ta cũng phải cư xử có tình, có nghĩa bởi đó đều là những người ơn nhờ họ ta mới có được cuộc sống, mới tồn tại được trên cõi đời này.

Nói tóm lại, làm người phải làm tròn nhân đạo, tức đáp đền được bốn ân lớn là: ân Tổ tiên cha mẹ, ân Đất nước, ân Tam bảo và ân Đồng bào và nhân loại. Như vậy mới được xem là đã đền xong nợ thế:

Tu đền nợ thế cho rồi,

Thì sau mới được đứng ngòi toà sen.

Được đứng ngòi toà sen là được thành Phật. Phật không phải là bức tượng hay bức tranh được vẽ in trên giấy, đục đẽo trên gỗ, hay đắp xi măng rồi sơn phết đặt tên để khiến cho người ta khi thấy thì phải xuống gối lạy dài. Nếu Phật là thế (tượng cốt) thì liệu có thực sự giúp ích được gì cho ai? Người Phật giáo Hoà Hảo hiểu Phật trước hết

là con người, một con người đã giác tỉnh, và tất nhiên phải năng động, chứ không toạ thị nhảm nghiền đôi mắt lại để ai khổ mặc ai. Phật vẫn luôn *đứng ngòi toà sen* để tiếp tục tìm phương cách giải thoát cho mình và cho người.

Đó là giải thoát sự ngu dốt, lạc hậu; giải thoát khỏi cảnh nô lệ, tù đầy; không những giải thoát nghèo nàn mà còn giải thoát cả cảnh khổ của người giàu sang nữa. Nói chung, hành giả phải giải thoát “mê li”.

Như vậy, cứu cánh của người cư sĩ tại gia Phật giáo Hoà Hảo cũng là giải thoát. Giải thoát không phải là chán đời, đi tìm cái chết hay chuyện của người đã quá vãng, ở kiếp sau? Giải thoát là vấn đề cần kíp và bức xúc nhất của mỗi con người ngay trong cuộc sống hiện tại do sự phấn đấu tu sửa của chính bản thân mình.

Đức Huỳnh Giáo chủ *Khuyên răn giữ cho tròn Đờn Đạo*, bởi *Đờn Đạo liên quan rạng chói ngời*. Vì vậy, người cư sĩ tại gia Phật giáo Hoà Hảo phải *Một đời một đạo đến ngày chung thân*.

Trong tinh thần đó, giáo lý Phật giáo Hoà Hảo đã đáp ứng được nhu cầu đời sống tâm linh của không ít người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long. Điểm độc đáo nhất là Đức Huỳnh Giáo chủ đã biết tùy căn cơ chúng sinh, từng thành phần, giới người mà có những lời khuyên sát hợp, nên chỉ trong một thời gian ngắn, Phật giáo Hoà Hảo đã phát khai và chinh đốn được niềm tin của một bộ phận người dân ở vùng đất Nam Bộ./.